

Số: 12/2019/QĐST-HNGĐ

Vũ Thư, ngày 08 tháng 3 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨ THƯ, TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 09/2019/TLST - VDS ngày 21 tháng 02 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Trần Quang C, sinh năm 1985;

Nơi cư trú: Xóm 3, Thôn P, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình;

2. Chị Phạm Thị N, sinh năm 1986;

Nơi cư trú: Xóm 3, Thôn P, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Quang C và chị Phạm Thị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình vào ngày 19/4/2006. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được đến tháng 6/2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị bất đồng quan điểm sống, hai bên không thông cảm được với nhau dẫn đến thường xuyên bất hòa, cãi chửi nhau, thậm chí còn đánh nhau. Anh chị cũng đã cho nhau nhiều cơ hội nhưng mâu thuẫn vẫn không giải quyết được. Tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Tuy chung sống cùng nhà nhưng vợ chồng không quan tâm gì đến nhau. Anh chị đã sống ly thân với nhau từ tháng 6/2017 đến nay, không quan tâm đến nhau. Nay anh C và chị N đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa nên đề nghị Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh, chị.

[2] Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Quang H, sinh ngày 13/10/2006 và Trần Quang H, sinh ngày 10/8/2013. Ly hôn, anh chị thỏa thuận: Giao con Trần Quang H cho anh Trần Quang C nuôi dưỡng; giao con Trần Quang H cho chị Phạm Thị N nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Anh C, chị N có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con được đặt ra khi một trong hai bên có yêu cầu.

[3] Về quan hệ tài sản: Anh C, chị N thống nhất không yêu cầu Toà án giải quyết.

[4] Về lệ phí: Anh C, chị N mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự.

Xét thấy, sự thỏa thuận của anh C, chị N là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của con chung, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Quang C và chị Phạm Thị N thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Trần Quang C và chị Phạm Thị N có 02 con chung là Trần Quang H, sinh ngày 13/10/2006 và Trần Quang H1, sinh ngày 10/8/2013. Ly hôn, anh chị thỏa thuận: Giao con Trần Quang H cho anh Trần Quang C nuôi dưỡng; giao con Trần Quang H1 cho chị Phạm Thị N nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Anh C, chị N có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con được đặt ra khi một trong hai bên có yêu cầu.

- Về tài sản chung: Anh C, chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Ch, chị N mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai số 0003xxx và Biên lai số 0003xxx ngày xx/xx/xxxx tại Chi cục thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Thái Bình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện V;
- Chi Cục THADS huyện V;
- UBND xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ việc dân sự; Lưu HCTP.

THẨM PHÁN

(Đã ký)